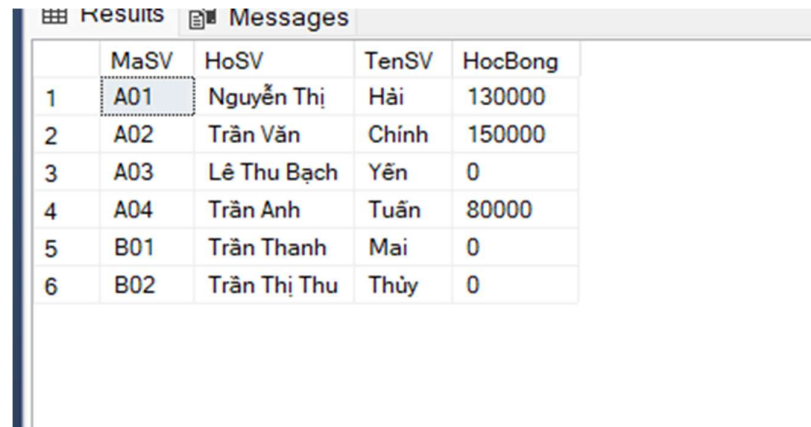


Bài tập tuần 3

1. Liệt kê danh sách sinh viên, gồm các thông tin sau: Mã sinh viên, Họ sinh viên, Tên sinh viên, Học bổng. Danh sách sẽ được sắp xếp theo thứ tự Mã sinh viên tăng dần.

```
select DSSinhVien.MaSV ,DSSinhVien.HoSV, DSSinhVien.TenSV, DSSinhVien.HocBong
from DSSinhVien
order by DSSinhVien.MaSV asc
```

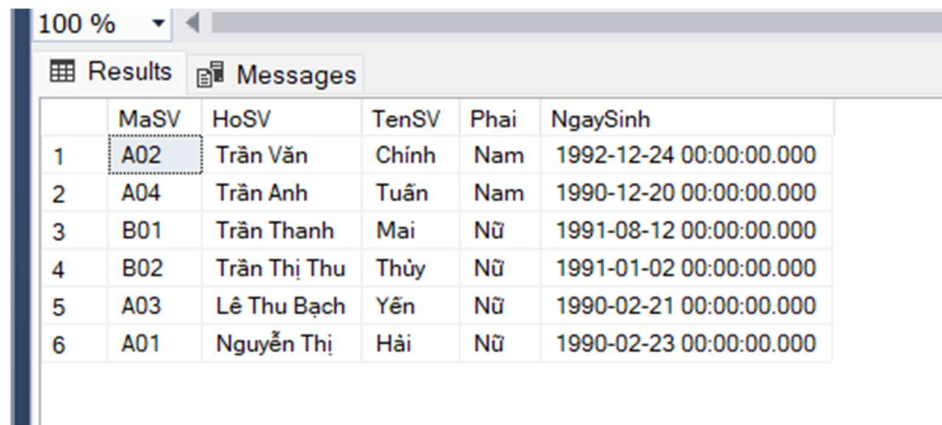


The screenshot shows a SQL Server query results window with a table containing 6 rows. The columns are MaSV, HoSV, TenSV, and HocBong. The rows are sorted by MaSV in ascending order.

	MaSV	HoSV	TenSV	HocBong
1	A01	Nguyễn Thị	Hải	130000
2	A02	Trần Văn	Chính	150000
3	A03	Lê Thu Bạch	Yến	0
4	A04	Trần Anh	Tuấn	80000
5	B01	Trần Thanh	Mai	0
6	B02	Trần Thị Thu	Thủy	0

2. Danh sách các sinh viên gồm thông tin sau: Mã sinh viên, họ tên sinh viên, Giới, Ngày sinh. Danh sách sẽ được sắp xếp theo thứ tự Nam/Nữ.

```
select DSSinhVien.MaSV, DSSinhVien.HoSV, DSSinhVien.TenSV, DSSinhVien.Phai,
DSSinhVien.NgaySinh
from DSSinhVien
order by DSSinhVien.Phai asc
```

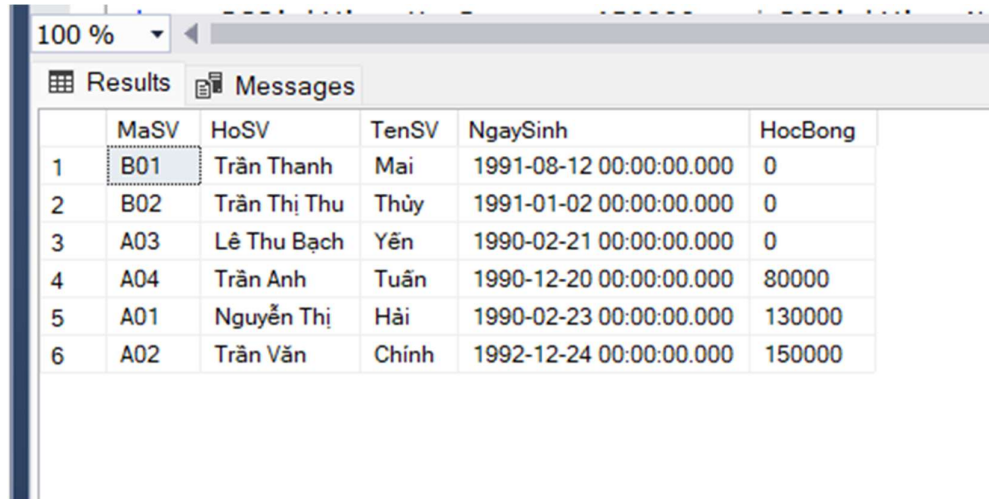


The screenshot shows a SQL Server query results window with a table containing 6 rows. The columns are MaSV, HoSV, TenSV, Phai, and NgaySinh. The rows are sorted by Phai in ascending order (Nam before Nữ).

	MaSV	HoSV	TenSV	Phai	NgaySinh
1	A02	Trần Văn	Chính	Nam	1992-12-24 00:00:00.000
2	A04	Trần Anh	Tuấn	Nam	1990-12-20 00:00:00.000
3	B01	Trần Thanh	Mai	Nữ	1991-08-12 00:00:00.000
4	B02	Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	1991-01-02 00:00:00.000
5	A03	Lê Thu Bạch	Yến	Nữ	1990-02-21 00:00:00.000
6	A01	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	1990-02-23 00:00:00.000

3. Thông tin các sinh viên gồm: Họ tên sinh viên, Ngày sinh, Học bổng. Thông tin sẽ được sắp xếp theo thứ tự Ngày sinh tăng dần và Học bổng giảm dần.

```
select DSSinhVien.MaSV ,DSSinhVien.HoSV, DSSinhVien.TenSV, DSSinhVien.NgaySinh,
DSSinhVien.HocBong
from DSSinhVien
order by DSSinhVien.HocBong, DSSinhVien.NgaySinh desc
```

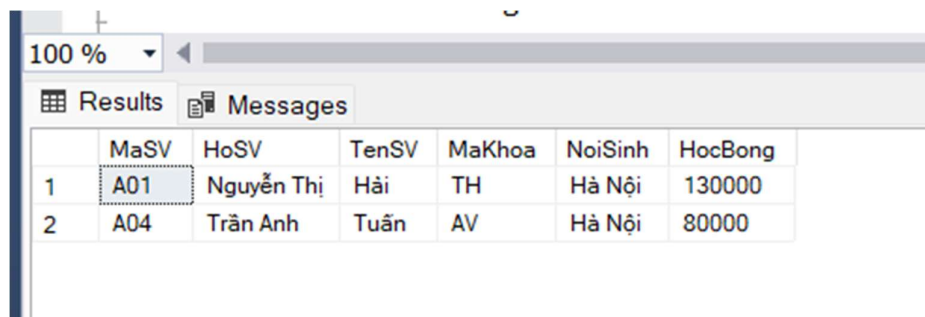


The screenshot shows a SQL query result window with a table containing 6 rows of student data. The columns are MaSV, HoSV, TenSV, NgaySinh, and HocBong. The data is sorted by HocBong in descending order, and then by NgaySinh in descending order.

	MaSV	HoSV	TenSV	NgaySinh	HocBong
1	B01	Trần Thanh	Mai	1991-08-12 00:00:00.000	0
2	B02	Trần Thị Thu	Thúy	1991-01-02 00:00:00.000	0
3	A03	Lê Thu Bạch	Yến	1990-02-21 00:00:00.000	0
4	A04	Trần Anh	Tuấn	1990-12-20 00:00:00.000	80000
5	A01	Nguyễn Thị	Hải	1990-02-23 00:00:00.000	130000
6	A02	Trần Văn	Chính	1992-12-24 00:00:00.000	150000

4. Liệt kê các sinh viên có học bổng từ 150,000 trở lên và sinh ở Hà Nội, gồm các thông tin: Họ tên sinh viên, Mã khoa, Nơi sinh, Học bổng (sinh viên có tên Hải, Tuấn ở Hà Nội nhưng học bổng không đạt yêu cầu, nên em thay 150000 thành 80000).

```
select DSSinhVien.MaSV ,DSSinhVien.HoSV, DSSinhVien.TenSV, DSSinhVien.MaKhoa,
DSSinhVien.NoiSinh, DSSinhVien.HocBong
from DSSinhVien
where DSSinhVien.HocBong >= 80000 and DSSinhVien.NoiSinh like N'%Hà Nội%';
```

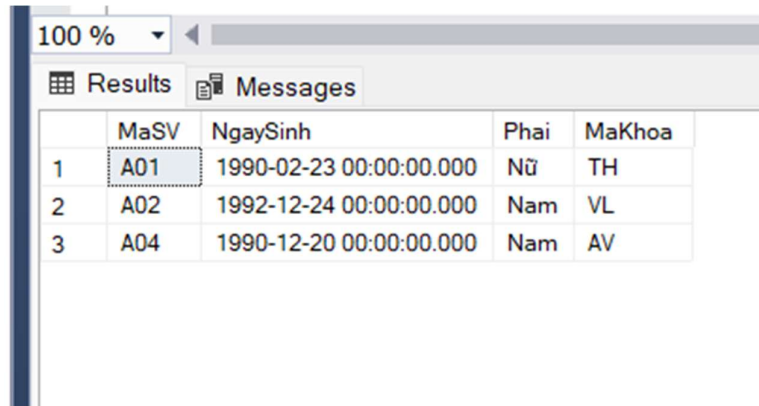


The screenshot shows a SQL query result window with a table containing 2 rows of student data. The columns are MaSV, HoSV, TenSV, MaKhoa, NoiSinh, and HocBong. The data is filtered to show students with a scholarship of 80,000 or more and born in Hanoi.

	MaSV	HoSV	TenSV	MaKhoa	NoiSinh	HocBong
1	A01	Nguyễn Thị	Hải	TH	Hà Nội	130000
2	A04	Trần Anh	Tuấn	AV	Hà Nội	80000

5. Danh sách những sinh viên có học bổng từ 80.000 đến 150.000, gồm các thông tin: Mã sinh viên, Ngày sinh, Giới, Mã khoa.

```
select DSSinhVien.MaSV ,DSSinhVien.NgaySinh, DSSinhVien.Phai, DSSinhVien.MaKhoa
from DSSinhVien
where DSSinhVien.HocBong >= 80000 and DSSinhVien.HocBong <= 150000
```

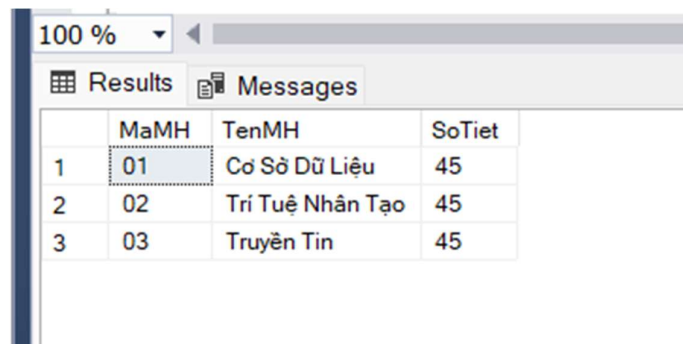


The screenshot shows a SQL Server Enterprise Manager window with a query results grid. The grid has columns for MaSV, NgaySinh, Phai, and MaKhoa. The results are as follows:

	MaSV	NgaySinh	Phai	MaKhoa
1	A01	1990-02-23 00:00:00.000	Nữ	TH
2	A02	1992-12-24 00:00:00.000	Nam	VL
3	A04	1990-12-20 00:00:00.000	Nam	AV

6. Cho biết những môn học có số tiết lớn hơn 30 và nhỏ hơn 45, gồm các thông tin: Mã môn học, Tên môn học, Số tiết.

```
select DMMonHoc.MaMH, DMMonHoc.TenMH, DMMonHoc.SoTiet
from DMMonHoc
where DMMonHoc.SoTiet >= 30 and DMMonHoc.SoTiet <= 45
```

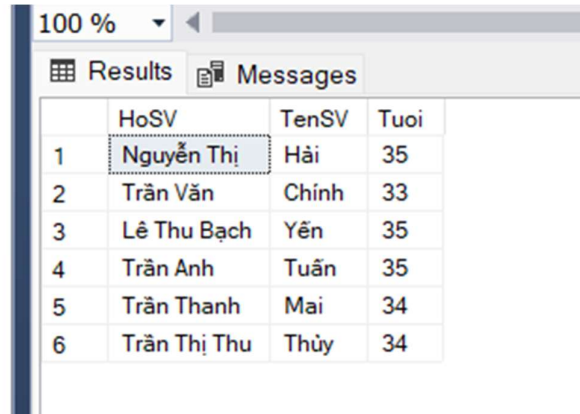


The screenshot shows a SQL Server Enterprise Manager window with a query results grid. The grid has columns for MaMH, TenMH, and SoTiet. The results are as follows:

	MaMH	TenMH	SoTiet
1	01	Cơ Sở Dữ Liệu	45
2	02	Trí Tuệ Nhân Tạo	45
3	03	Truyền Tin	45

7. Danh sách những sinh viên có tuổi từ 20 đến 25, thông tin gồm: Họ tên sinh viên, Tuổi, Tên khoa (Không ai 20 đến 25 tuổi em xin phép thay thành 30 đến 35).

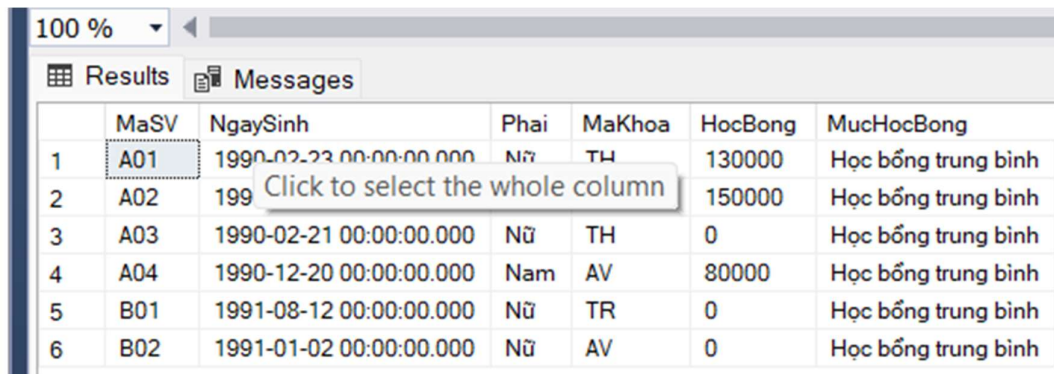
```
select DSSinhVien.HoSV, DSSinhVien.TenSV, DATEDIFF(year, DSSinhVien.NgaySinh,
GETDATE()) as Tuổi
from DSSinhVien
where DATEDIFF(year, DSSinhVien.NgaySinh, GETDATE()) between 30 and 35
```



	HoSV	TenSV	Tuoi
1	Nguyễn Thị	Hải	35
2	Trần Văn	Chinh	33
3	Lê Thu Bạch	Yến	35
4	Trần Anh	Tuấn	35
5	Trần Thanh	Mai	34
6	Trần Thị Thu	Thủy	34

8. Cho biết thông tin về mức học bổng của các sinh viên, gồm: Mã sinh viên, Phái, Mã khoa, Mức học bổng. Trong đó, mức học bổng sẽ hiển thị là “Học bổng cao” nếu giá trị của field học bổng lớn hơn 500,000 và ngược lại hiển thị là “Mức trung bình”

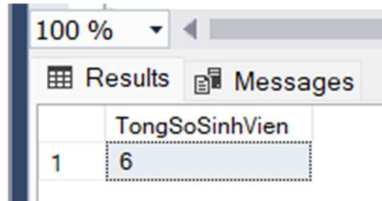
```
select DSSinhVien.MaSV, DSSinhVien.NgaySinh, DSSinhVien.Phai, DSSinhVien.MaKhoa,
DSSinhVien.HocBong,
case
when DSSinhVien.HocBong > 500000 then N'Học bổng cao'
else N'Học bổng trung bình'
end as MucHocBong
from DSSinhVien
```



	MaSV	NgaySinh	Phai	MaKhoa	HocBong	MucHocBong
1	A01	1990-02-23 00:00:00.000	Nữ	TH	130000	Học bổng trung bình
2	A02	199			150000	Học bổng trung bình
3	A03	1990-02-21 00:00:00.000	Nữ	TH	0	Học bổng trung bình
4	A04	1990-12-20 00:00:00.000	Nam	AV	80000	Học bổng trung bình
5	B01	1991-08-12 00:00:00.000	Nữ	TR	0	Học bổng trung bình
6	B02	1991-01-02 00:00:00.000	Nữ	AV	0	Học bổng trung bình

9. Cho biết tổng số sinh viên của toàn trường

```
select count(*) as TongSoSinhVien
from DSSinhVien
```

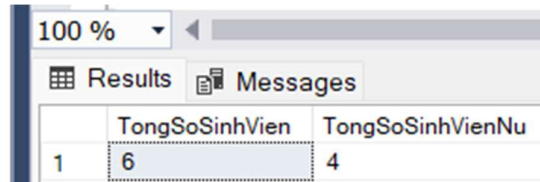


The screenshot shows a SQL Server query window with a zoom level of 100%. The 'Results' tab is active, displaying a single row with the column 'TongSoSinhVien' and the value 6.

	TongSoSinhVien
1	6

10. Cho biết tổng sinh viên và tổng sinh viên nữ.

```
select count(*) as TongSoSinhVien, sum(case when DSSinhVien.Phai = N'Nữ' then 1 else 0
end) as TongSoSinhVienNu
from DSSinhVien
```

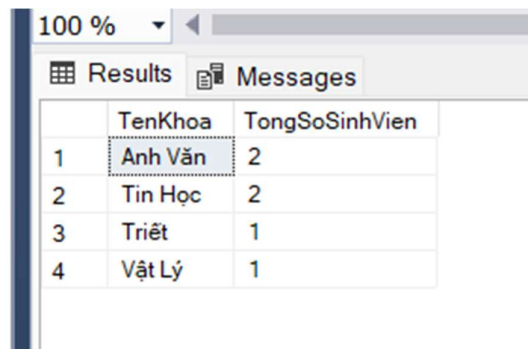


The screenshot shows a SQL Server query window with a zoom level of 100%. The 'Results' tab is active, displaying two columns: 'TongSoSinhVien' with a value of 6, and 'TongSoSinhVienNu' with a value of 4.

	TongSoSinhVien	TongSoSinhVienNu
1	6	4

11. Cho biết tổng số sinh viên của từng khoa.

```
select DMKhoa.TenKhoa, count(*) as TongSoSinhVien
from DMKhoa inner join DSSinhVien on DMKhoa.MaKhoa = DSSinhVien.MaKhoa
group by DMKhoa.TenKhoa
```

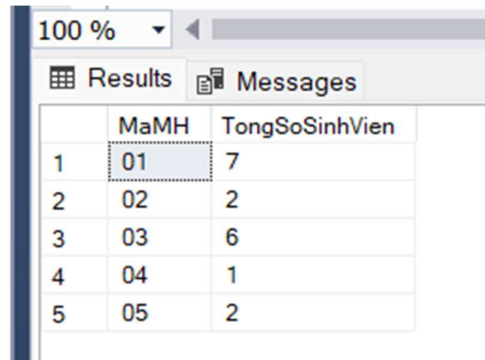


The screenshot shows a SQL Server query window with a zoom level of 100%. The 'Results' tab is active, displaying a table with two columns: 'TenKhoa' and 'TongSoSinhVien'. The table contains four rows of data.

	TenKhoa	TongSoSinhVien
1	Anh Văn	2
2	Tin Học	2
3	Triết	1
4	Vật Lý	1

12. Cho biết số lượng sinh viên học từng môn.

```
select KetQua.MaMH, count(*) as TongSoSinhVien
from KetQua
inner join DMMonHoc on DMMonHoc.MaMH = KetQua.MaMH
inner join DSSinhVien on DSSinhVien.MaSV = KetQua.MaSV
group by KetQua.MaMH
```

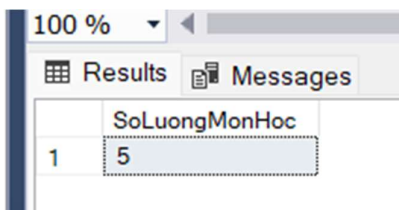


The screenshot shows a SQL Server query results window with a zoom level of 100%. The window has two tabs: 'Results' and 'Messages'. The 'Results' tab is active, displaying a table with two columns: 'MaMH' and 'TongSoSinhVien'. The table contains five rows of data.

	MaMH	TongSoSinhVien
1	01	7
2	02	2
3	03	6
4	04	1
5	05	2

13. Cho biết số lượng môn học mà sinh viên đã học (tức tổng số môn học có trong bảng kq)

```
select count(distinct KetQua.MaMH) as SoLuongMonHoc
from KetQua
```

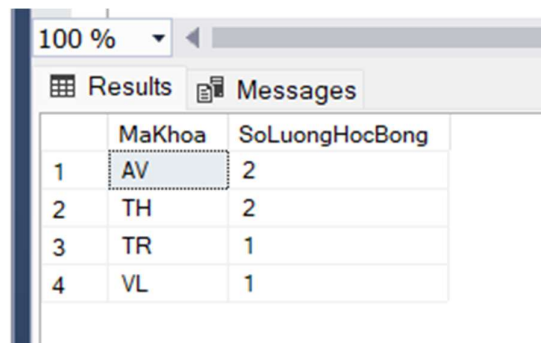


The screenshot shows a SQL Server query results window with a zoom level of 100%. The window has two tabs: 'Results' and 'Messages'. The 'Results' tab is active, displaying a table with two columns: an unnamed column and 'SoLuongMonHoc'. The table contains one row of data.

	SoLuongMonHoc
1	5

14. Cho biết tổng số học bổng của mỗi khoa.

```
select DMKhoa.MaKhoa, count(*) as SoLuongHocBong
from DSSinhVien
inner join DMKhoa on DSSinhVien.MaKhoa = DMKhoa.MaKhoa
where DSSinhVien.HocBong is not null
group by DMKhoa.MaKhoa
```

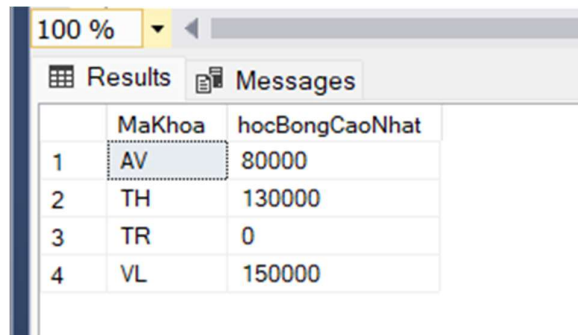


The screenshot shows a SQL Server query results window with a zoom level of 100%. The window has two tabs: 'Results' and 'Messages'. The 'Results' tab is active, displaying a table with two columns: 'MaKhoa' and 'SoLuongHocBong'. The table contains four rows of data.

	MaKhoa	SoLuongHocBong
1	AV	2
2	TH	2
3	TR	1
4	VL	1

15. Cho biết học bổng cao nhất của mỗi khoa.

```
select DMKhoa.MaKhoa, max(DSSinhVien.HocBong) as hocBongCaoNhat
from DMKhoa
      inner join DSSinhVien on DSSinhVien.MaKhoa = DMKhoa.MaKhoa
group by DMKhoa.MaKhoa
```

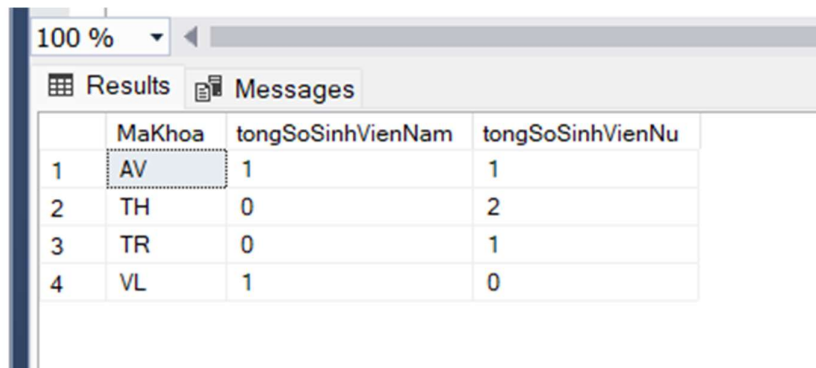


The screenshot shows a SQL Server query results window with a zoom level of 100%. The window has two tabs: 'Results' and 'Messages'. The 'Results' tab is active, displaying a table with two columns: 'MaKhoa' and 'hocBongCaoNhat'. The table contains four rows of data, with the first row (AV, 80000) selected.

	MaKhoa	hocBongCaoNhat
1	AV	80000
2	TH	130000
3	TR	0
4	VL	150000

16. Cho biết tổng số sinh viên nam và tổng số sinh viên nữ của mỗi khoa.

```
select DMKhoa.MaKhoa, sum(case when DSSinhVien.Phai = N'Nam' then 1 else 0 end) as
tongSoSinhVienNam,
      sum(case when DSSinhvien.Phai = N'Nữ' then 1 else 0 end) as
tongSoSinhVienNu
from DMKhoa
      inner join DSSinhVien on DSSinhVien.MaKhoa = DMKhoa.MaKhoa
group by DMKhoa.MaKhoa
```

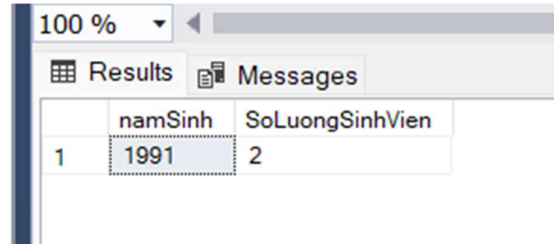


The screenshot shows a SQL Server query results window with a zoom level of 100%. The window has two tabs: 'Results' and 'Messages'. The 'Results' tab is active, displaying a table with four columns: an index, 'MaKhoa', 'tongSoSinhVienNam', and 'tongSoSinhVienNu'. The table contains four rows of data, with the first row (AV, 1, 1) selected.

	MaKhoa	tongSoSinhVienNam	tongSoSinhVienNu
1	AV	1	1
2	TH	0	2
3	TR	0	1
4	VL	1	0

17. Cho biết những năm sinh nào có 2 sinh viên đang theo học tại trường.

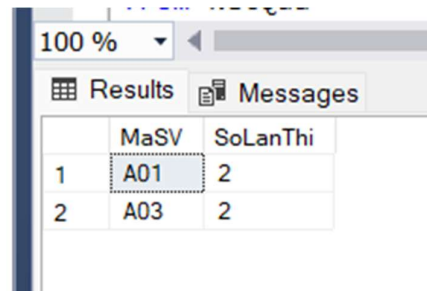
```
select year(DSSinhVien.NgaySinh) as namSinh, count(*) as SoLuongSinhVien
from DSSinhVien
group by YEAR(DSSinhVien.NgaySinh) having count (*) = 2
```



	namSinh	SoLuongSinhVien
1	1991	2

18. Cho biết những sinh viên thi lại trên 2 lần (điểm số lần thi không ai quá 2 lần em xin phép sửa câu lệnh là bằng 2).

```
select DSSinhVien.MaSV, count(KetQua.LanThi) as SoLanThi
from DSSinhVien
inner join KetQua on DSSinhVien.MaSV = KetQua.MaSV
where KetQua.LanThi > 1
group by DSSinhVien.MaSV
having count(KetQua.LanThi) = 2
```



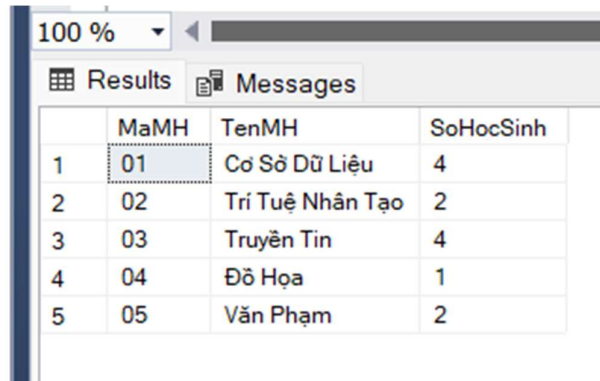
	MaSV	SoLanThi
1	A01	2
2	A03	2

19. Đưa ra điểm trung bình của sinh viên có mã 'A06' (Sinh viên mã A06 không có điểm trong kết quả)

```
select DSSinhVien.MaSV, DSSinhVien.HoSV, DSSinhVien.TenSV, avg(KetQua.Diem) as
DiemTrungBinh
from DSSinhVien
left join KetQua on DSSinhVien.MaSV = KetQua.MaSV
where DSSinhVien.MaSV = 'A06' --không có điểm
group by DSSinhVien.MaSV, DSSinhVien.HoSV, DSSinhVien.TenSV
```


20. Thống kê số học sinh học cho mỗi môn học

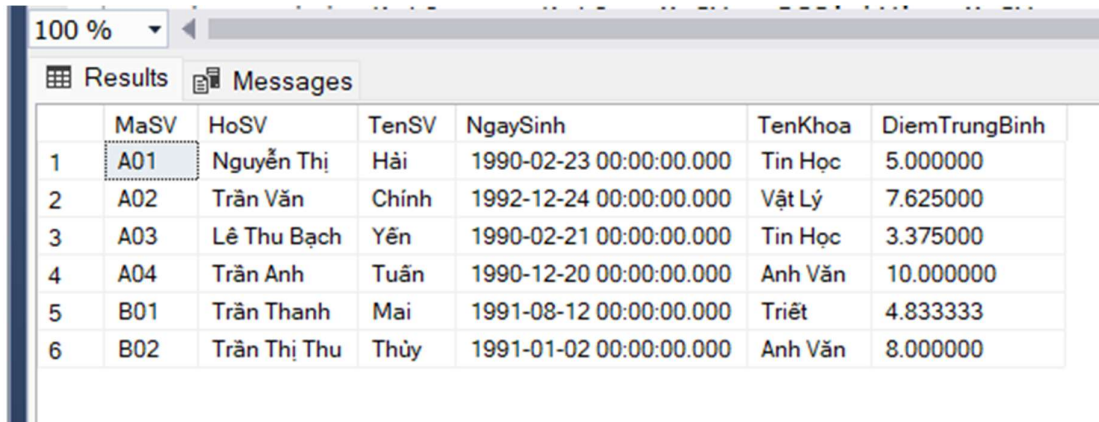
```
select DMMonHoc.MaMH, DMMonHoc.TenMH, count(distinct DSSinhVien.MaSV) as SoHocSinh
from KetQua
    inner join DSSinhVien on KetQua.MaSV = DSSinhVien.MaSV
    inner join DMMonHoc on KetQua.MaMH = DMMonHoc.MaMH
group by DMMonHoc.MaMH, DMMonHoc.TenMH
```



	MaMH	TenMH	SoHocSinh
1	01	Cơ Sở Dữ Liệu	4
2	02	Trí Tuệ Nhân Tạo	2
3	03	Truyền Tin	4
4	04	Đồ Họa	1
5	05	Văn Phạm	2

21. Đưa ra danh sách sinh viên gồm mã sinh viên, họ và tên, ngày sinh, tên khoa học, điểm trung bình

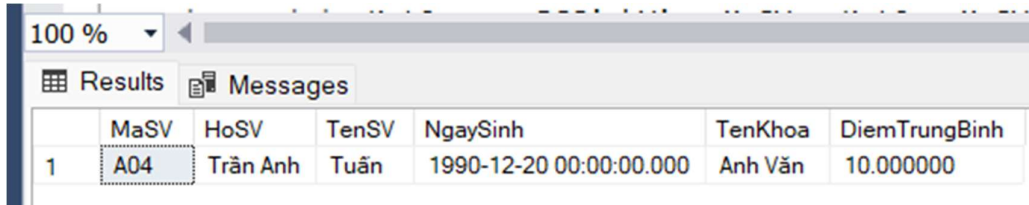
```
select DSSinhVien.MaSV, DSSinhVien.HoSV, DSSinhVien.TenSV, DSSinhVien.NgaySinh,
DMKhoa.TenKhoa, avg(KetQua.Diem) as DiemTrungBinh
from DSSinhVien
    inner join DMKhoa on DSSinhVien.MaKhoa = DMKhoa.MaKhoa
    inner join KetQua on KetQua.MaSV = DSSinhVien.MaSV
group by DSSinhVien.MaSV, DSSinhVien.HoSV, DSSinhVien.TenSV, DSSinhVien.NgaySinh,
DMKhoa.TenKhoa
```



	MaSV	HoSV	TenSV	NgaySinh	TenKhoa	DiemTrungBinh
1	A01	Nguyễn Thị	Hải	1990-02-23 00:00:00.000	Tin Học	5.000000
2	A02	Trần Văn	Chính	1992-12-24 00:00:00.000	Vật Lý	7.625000
3	A03	Lê Thu Bạch	Yến	1990-02-21 00:00:00.000	Tin Học	3.375000
4	A04	Trần Anh	Tuấn	1990-12-20 00:00:00.000	Anh Văn	10.000000
5	B01	Trần Thanh	Mai	1991-08-12 00:00:00.000	Triết	4.833333
6	B02	Trần Thị Thu	Thùy	1991-01-02 00:00:00.000	Anh Văn	8.000000

22. Đưa ra danh sách sinh viên xuất sắc gồm mã sinh viên, họ và tên, ngày sinh, tên khoa học, điểm trung bình với điểm trung bình ≥ 9.0

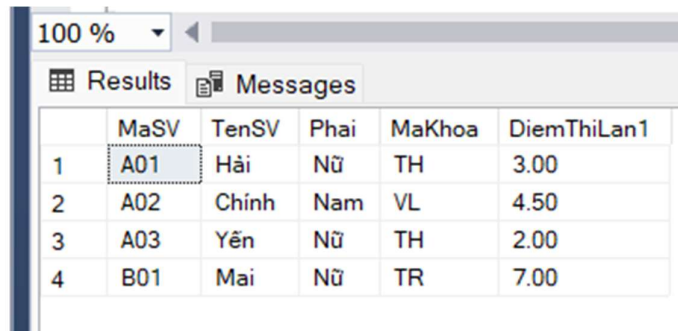
```
select DSSinhVien.MaSV, DSSinhVien.HoSV, DSSinhVien.TenSV, DSSinhVien.NgaySinh,
DMKhoa.TenKhoa, avg(KetQua.Diem) as DiemTrungBinh
from DSSinhVien
    inner join DMKhoa on DSSinhVien.MaKhoa = DMKhoa.MaKhoa
    inner join KetQua on KetQua.MaSV = DSSinhVien.MaSV
group by DSSinhVien.MaSV, DSSinhVien.HoSV, DSSinhVien.TenSV, DSSinhVien.NgaySinh,
DMKhoa.TenKhoa
having avg(KetQua.Diem) > 9.0
```



	MaSV	HoSV	TenSV	NgaySinh	TenKhoa	DiemTrungBinh
1	A04	Trần Anh	Tuấn	1990-12-20 00:00:00.000	Anh Văn	10.000000

23. Cho biết thông tin của các sinh viên, gồm: Mã sinh viên, tên sinh viên, Phái, Mã khoa, Điểm lần 1 môn có mã 01 (nếu có).

```
select DSSinhVien.MaSV, DSSinhVien.TenSV, DSSinhVien.Phai, DSSinhVien.MaKhoa,
KetQua.Diem as DiemThiLan1
from DSSinhVien
    inner join KetQua on DSSinhVien.MaSV = KetQua.MaSV
and KetQua.LanThi = 1
and KetQua.MaMH = N'01'
```



	MaSV	TenSV	Phai	MaKhoa	DiemThiLan1
1	A01	Hải	Nữ	TH	3.00
2	A02	Chính	Nam	VL	4.50
3	A03	Yến	Nữ	TH	2.00
4	B01	Mai	Nữ	TR	7.00

24. Thêm trường TinhTrang (tình trạng) vào bảng kết quả. Cập nhật dữ liệu cho trường này biết rằng nếu điểm trung bình (điểm trung bình được tính như câu 2.3) <4 ghi 0, từ 4 đến dưới 5.5 ghi 1, còn lại không ghi (null).

```
ALTER TABLE KetQua ADD TinhTrang INT;
UPDATE KetQua
SET TinhTrang =
CASE
WHEN DTB.DiemTB < 4 THEN 0
WHEN DTB.DiemTB BETWEEN 4 AND 5.49 THEN 1
ELSE NULL
END
FROM KetQua
JOIN (
SELECT MaSV, AVG(Diem) AS DiemTB FROM KetQua
GROUP BY MaSV )
AS DTB
ON KetQua.MaSV = DTB.MaSV;
```

	MaSV	DiemTB	TinhTrang
1	A01	5.000000	1
2	A01	5.000000	1
3	A01	5.000000	1
4	A01	5.000000	1
5	A02	7.625000	NULL
6	A02	7.625000	NULL
7	A02	7.625000	NULL
8	A02	7.625000	NULL
9	A03	3.375000	0
10	A03	3.375000	0
11	A03	3.375000	0
12	A03	3.375000	0
13	A04	10.000000	NULL
14	B01	4.833333	1
15	B01	4.833333	1
16	B01	4.833333	1
17	B02	8.000000	1

25. Xóa tất cả những sinh viên chưa dự thi môn nào.

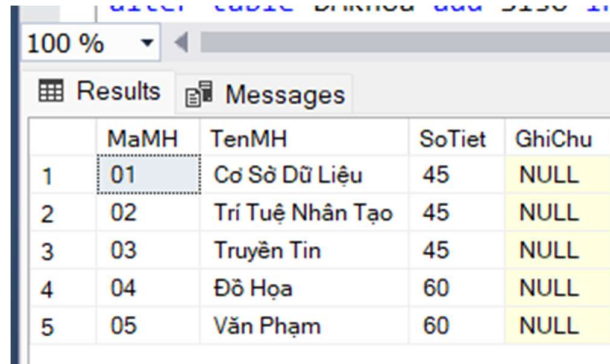
```
delete DSSinhVien
from DSSinhVien
where not exists (select 1 from KetQua where KetQua.MaSV = DSSinhVien.MaSV)

select * from DSSinhVien
```

	MaSV	HoSV	TenSV	Phai	NgaySinh	NoiSinh	MaKhoa	HocBong
1	A01	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	1990-02-23 00:00:00.000	Hà Nội	TH	130000
2	A02	Trần Văn	Chính	Nam	1992-12-24 00:00:00.000	Bình Định	VL	150000
3	A03	Lê Thu Bạch	Yến	Nữ	1990-02-21 00:00:00.000	TP Hồ Chí Minh	TH	0
4	A04	Trần Anh	Tuấn	Nam	1990-12-20 00:00:00.000	Hà Nội	AV	80000
5	B01	Trần Thanh	Mai	Nữ	1991-08-12 00:00:00.000	Hải Phòng	TR	0
6	B02	Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	1991-01-02 00:00:00.000	TP Hồ Chí Minh	AV	0

26. Xóa những môn mà không có sinh viên học.

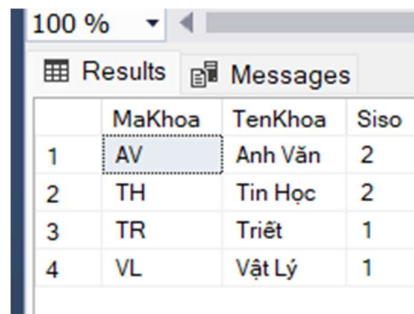
```
delete DMMonHoc
from DMMonHoc
where not exists (select 1 from KetQua where DMMonHoc.MaMH = KetQua.MaMH )
```



	MaMH	TenMH	SoTiet	GhiChu
1	01	Cơ Sở Dữ Liệu	45	NULL
2	02	Trí Tuệ Nhân Tạo	45	NULL
3	03	Truyền Tin	45	NULL
4	04	Đồ Họa	60	NULL
5	05	Văn Phạm	60	NULL

27. Thêm vào bảng khoa cột Siso, cập nhật sĩ số vào khoa từ dữ liệu sinh viên.

```
alter table DMKhoa add Siso int;
update DMKhoa
set Siso = (select count(*) from DSSinhVien where DSSinhVien.MaKhoa = DMKhoa.MaKhoa)
```



	MaKhoa	TenKhoa	Siso
1	AV	Anh Văn	2
2	TH	Tin Học	2
3	TR	Triết	1
4	VL	Vật Lý	1

28. Tăng thêm 1 điểm cho các sinh viên vượt lần 2. Nhưng chỉ tăng tối đa là 5 điểm

```
update KetQua
set Diem = case
              when KetQua.Diem + 1 > 5 then 5
              else KetQua.Diem + 1
            end
where KetQua.LanThi = 2
```

29. Tăng học bổng lên 100000 cho những sinh viên có điểm trung bình là 6.5 trở lên

```
update DSSinhVien
set HocBong = HocBong + 100000
from DSSinhVien
    inner join (select MaSV, avg(KetQua.Diem) as DTB from KetQua group by MaSV) as
DTB on DSSinhVien.MaSV = DTB.MaSV
where DTB.DTB > 6.5
```

30. Thiết lập học bổng bằng 0 cho những sinh viên thi hai môn rớt ở lần 1

```
update DSSinhVien
set HocBong = 0
from DSSinhVien
    inner join (select KetQua.MaSV from KetQua where KetQua.LanThi = 1 and
KetQua.Diem < 4 group by MaSV having count(*) >= 2)
as SVRot on DSSinhVien.MaSV = SVRot.MaSV
```

100 %								
Results Messages								
	MaSV	HoSV	TenSV	Phai	NgaySinh	NoiSinh	MaKhoa	HocBong
1	A01	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	1990-02-23 00:00:00.000	Hà Nội	TH	130000
2	A02	Trần Văn	Chính	Nam	1992-12-24 00:00:00.000	Bình Định	VL	250000
3	A03	Lê Thu Bạch	Yến	Nữ	1990-02-21 00:00:00.000	TP Hồ Chí Minh	TH	0
4	A04	Trần Anh	Tuấn	Nam	1990-12-20 00:00:00.000	Hà Nội	AV	80000
5	B01	Trần Thanh	Mai	Nữ	1991-08-12 00:00:00.000	Hải Phòng	TR	0
6	B02	Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	1991-01-02 00:00:00.000	TP Hồ Chí Minh	AV	100000